

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Ngô Thanh Xuân

Ông: Trần Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST-DS ngày 03/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức B, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/5/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Tôi kết hôn với anh B ngày 31/8/1989, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh B thường uống rượu say chửi bới tôi, súc phạm đến bố mẹ tôi, tôi đã bỏ qua và tha thứ nhiều lần nhưng anh B vẫn không cải sửa tính nết. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ ngày 25/10/2017. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị L, sinh ngày 28/11/1990 và Đỗ Đức Y sinh ngày 22/11/1993; hiện các con đã trưởng thành, nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Vợ chồng xin thỏa thuận phân chia, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh Đỗ Đức B xác nhận một phần lời khai của chị L và trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L muốn đi làm để lại mọi việc ở nhà đổ lên vai tôi, tôi có bảo ban nhưng chị L không nghe, nên có đôi lúc tôi uống rượu say về có to tiếng nhưng chưa hề đánh đập, hết rượu tôi lại bình thường làm ăn lo toan cuộc sống, tôi đã nhận thấy khuyết điểm và tự sửa chữa từ tháng 01/2018 đến nay; nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2017. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa lớn, nên tôi không đồng ý ly hôn chị L. Nay nếu phải ly hôn tôi không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên; anh B vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân, chị L, trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; phía anh B mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh B vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử cho chị L được ly hôn anh B; về con chung và tài sản cả chị L và anh B đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; chị L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/5/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Đức B, sinh năm 1968, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, phạm vi khởi kiện là đề nghị xin được ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Đỗ Đức B ngày 31/8/1989, trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện

Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không bảo ban được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2017. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L thiết tha xin được ly hôn, nhưng phía anh B không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác phía anh B mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên tòa, như vậy chứng tỏ anh B không còn thiết tha tham gia hòa giải đoàn tụ tại phiên tòa. Do vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh B để giải phóng cho cả 2 bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh B sinh được 2 chung là Đỗ Thị L, sinh ngày 28/11/1990 và Đỗ Đức Y sinh ngày 22/11/1993; hiện các con đã lớn, trưởng thành; quá trình giải quyết vụ án cả anh B và chị L đều không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt, chị L có mặt không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả anh B và chị L đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt, chị L có mặt không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0004494 Ngày 18/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Đức B.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0004494 Ngày 18/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã T, huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Thân Trọng Khôi